TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 08-6-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hiển
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải và ông Hoàng Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Anh, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Tạ Quang H, sinh ngày 20/5/1989 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở tại tổ N 1, thị trấn HS, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; không nghề nghiệp; trình độ học vấn lớp12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; không theo tôn giáo nào; quốc tịch Việt Nam; con ông Tạ Minh T và bà Phạm Thị N; chưa có vợ, con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 29/11/2019 đến nay; có mặt.

Bị hại: Chị Phạm Thị T1, tên gọi khách là JSJ, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú tại ÂTLA, xã TT, huyện PĐ, thành phố CT; hiện đang sống tại JDNG, IC, Hàn Quốc (chị T1 mang hai quốc tịch Việt Nam và Hàn Quốc); vắng mặt. Chị T1 ủy quyền cho em dâu là chị Lê Ngọc A, sinh năm 1984; trú tại số 88, tổ 48A, khu vực 7, phường HP, quận CR, thành phố CT (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/8/2019); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* + Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; trú tại thôn TL, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị Thanh H1, sinh năm 1993; trú tại thôn TL, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tạ Quang H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2009 đến năm 2012 về nước. Khoảng tháng 8/2018 thông qua mạng xã hội Facebook H làm quen với chị Phạm Thị T1, tên gọi khách là JSJ, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TL A, xã TT, huyện PĐ, thành phố CT, tỉnh Cần Thơ; hiện đang sống tại JDNG, IC, Hàn Quốc (chị T1 lấy chồng Hàn Quốc, mang hai quốc tịch Việt Nam và Hàn Quốc). Sau khi quen biết, cả hai người thường xuyên gọi điện, nhắn tin cho nhau thông qua ứng dụng Messenger của Facebook, Zalo, Talk và giới thiệu cho nhau biết hoàn cảnh gia đình của mình. Qua nói chuyện, H biết chị T1 có tiền tiết kiệm, có thu nhập cao và là người thật thà, có tình cảm với H nên H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T1. Để thực hiện ý đồ, H đưa ra thông tin gian dối, hứa hẹn với chị T1 là H sẽ học tiếng, làm Visa sang Hàn Quốc lao động để có điều kiện gần gũi chăm sóc chị T1 và con trai chị T1. Thấy chị T1 đã tin H nói thật, H đưa ra lý do không có tiền lo chạy làm thủ tục Visa sang Hàn Quốc nên bảo chị T1 gửi cho H 4.000 USD (Đô la Mỹ) để làm thủ tục xin Visa, H hứa sang Hàn Quốc sẽ trả tiền cho chị T1. Chị T1 tin lời nói của H nên đã đồng ý chuyển tiền cho H.

Để nhận được tiền của chị T1 chuyển từ Hàn Quốc về Việt Nam, ngày 03/10/2018 H mở tài khoản cá nhân tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mang tên Tạ Quang H có số tài khoản là 8507205169579, sau đó H nhắn tin số tài khoản cho chị T1 để chị T1 chuyển tiền vào tài khoản cho H. Ngày 04/10/2018 chị T1 đã chuyển số tiền 4.000 USD từ Hàn Quốc vào tài khoản cá nhân nêu trên của H. Ngày 05/10/2018 H rút 2.000 USD trong tài khoản và bán lại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên được 46.600.000đ. 08/10/2018 H rút 1.000 USD trong tài khoản và bán lại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên được 23.300.000đ. 15/10/2018 H rút hết số tiền 1.000 USD trong tài khoản và bán lại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên được 23.295.000đ. Sau khi rút được toàn bộ 4.000 USD do chị T1 chuyển cho, H sử dụng 7.000.000đ nộp học lớp tiếng Hàn Quốc và thông báo cho chị T1 biết để chị T1 tin tưởng, số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân hết, không làm thủ tục xin cấp Visa sang Hàn Quốc như đã hứa với chị T1.

Sau khi tiêu xài hết số tiền trên, H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với chị T1 là cần tiền để lo chạy làm thủ tục xin cấp Visa sang Hàn Quốc nhanh hơn để sớm sang Hàn Quốc lao động và trả tiền cho chị T1, H bảo chị T1 chuyển tiếp cho H 3.000 USD. Chị T1 tin tưởng nên ngày 09/11/2018 chị T1 đã chuyển tiếp cho H số tiền 3.000 USD từ Hàn Quốc vào tài khoản cá nhân của H tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 12/11/2018 H rút 3.000 USD trong tài khoản và bán lại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện

Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên được 69.780.000đ. Số tiền này, H tiêu xài cá nhân hết, không làm thủ tục xin cấp Visa sang Hàn Quốc như đã hứa với chị T1.

Vẫn bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối với chị T1 là cần tiền để lo chạy làm thủ tục xin cấp Visa sang Hàn Quốc nhanh hơn để sớm sang Hàn Quốc lao động và trả tiền cho chị T1, H bảo chị T1 chuyển cho H số tiền 2.500 USD. Chị T1 tin tưởng lời nói của H nên ngày 14/12/2018 chị T1 đã chuyển tiếp cho H số tiền 2.500 USD từ Hàn Quốc vào tài khoản cá nhân của H tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 17/12/2018 H đã rút 2.500 USD trong tài khoản và bán lại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên được 58.112.500đ. Số tiền này, H tiêu xài cá nhân hết, không làm thủ tục xin cấp Visa sang Hàn Quốc như đã hứa với chị T1.

Khi biết chị T1 vẫn tin tưởng mình, H nói cần tiền tiêu tết và bảo chị T1 gửi cho H 500 USD, H nói dối là sẽ hoàn trả đầy đủ cho chị T1 khi sang Hàn Quốc lao động. Đồng thời, khi biết việc chị T1 muốn mua thuốc chữa viêm xoang ở Việt nam cho con của chị T1, H bảo chị T1 chuyển thêm 300 USD để H mua thuốc giúp chị T1, chị T1 tin tưởng đã đồng ý. Ngày 08/02/2019 chị T1 đã chuyển cho H số tiền 800 USD từ Hàn Quốc vào tài khoản cá nhân của H tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 11/02/2019 H đã rút 800 USD trong tài khoản và bán lại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên được 18.284.550đ. Số tiền này, H tiêu xài cá nhân hết, không mua thuốc viêm xoang cho chị T1 như đã hứa với chị T1.

Đầu tháng 3/2019 chị T1 nói chuyện với H về việc chị bị Cảnh sát IC Hàn Quốc thẩm vấn vì chị nhiều lần chuyển tiền về Việt Nam cho H nghi chị T1 có dấu hiệu bị lừa đảo nên cần chứng minh việc chuyển tiền là cho vay mượn, chị T1 đề nghị H chuyển trả cho chị 10.000 USD. Vì muốn tiếp tục chiếm đoạt tiền của chị T1 nên H nói dối là H đang có 4.000 USD và đề nghị chị T1 cho vay thêm 6.000 USD để H có 10.000 USD chuyển trả chị T1 qua tài khoản nhận tại Hàn Quốc, để lấy lý do để Cảnh sát IC Hàn Quốc không nghi ngờ việc chuyển tiền. H hướng dẫn chị T1 liên lạc với người quen của H là anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang, đang lao động tại IC Hàn Quốc để chị T1 chuyển số tiền 6.000 USD về Việt Nam cho H thông qua anh T2. H hứa khi sang Hàn Quốc sẽ trả chị T1 đầy đủ các khoản nợ. Tin tưởng H nói thật nên ngày 12/3/2019 chị T1 làm theo hướng dẫn của H đưa cho anh T2 6.000 USD. Sau khi nhận 6.000 USD, anh T2 đã liên lạc về nhà cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; trú tại thôn TL, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang và bảo ông L sử dụng số tiền anh T2 tiết kiệm được đang gửi ông L giữ hộ đưa cho H 142.100.000đ tương đương 6.000 USD quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm đó. Ngày 19/3/2019 tại nhà ông L, chị Hoàng Thị Thanh H1, sinh năm 1993 là vợ của anh T2 cùng ông L đã giao 142.100.000đ cho H. Sau khi nhận số tiền 142.100.000đ, H đã khóa tài khoản Facebook, Zalo chặn số điện thoại chấm dứt

mọi liên lạc với chị T1. Số tiền nhận được, H chi tiêu hết, không chuyển trả chị T1 như đã hứa và không làm thủ tục Visa sang Hàn Quốc.

Sau khi biết bị lừa, chị T1 đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên. Tổng cộng số tiền H lừa đảo chiếm đoạt của chị T1 là 16.300 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm H chiếm đoạt là 371.981.600đ. Trong quá trình điều tra vụ án, H đã trả lại cho chị T1 150.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-P2 ngày 08/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Tạ Quang H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Tạ Quang H cũng khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt của Phạm Thị T1 tổng số tiền 16.300 USD, quy đổi sang tiền Việt Nam là 371.981.600đ như nêu trên. Bị cáo nhận tội như cáo trạng đã quy kết, chỉ xin được hưởng mức án thấp nhất ở lời nói sau cùng.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Tạ Quang H mức án từ 07 đến 08 năm tù; buộc Tạ Quang H phải bồi thường tiếp cho chị Phạm Thị T1 số tiền chiếm đoạt còn lại chưa trả; đề nghị xử lý các vật chứng thu giữ theo quy định Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Tạ Quang H khai phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và nhiều tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Theo đó có đủ căn cứ kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước, trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10/2018 đến tháng 3/2019, Tạ Quang H bằng thủ đoạn gian dối đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị T1 đang sinh sống tại Hàn Quốc tổng số tiền 16.300 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm H chiếm đoạt là 371.981.600đ. Do đó, bị cáo bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó việc xử lý nghiêm đối với bị cáo là cần thiết.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo cùng gia đình đã trả người bị hại được hơn 1/3 số tiền chiếm đoạt. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo cũng phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cùng các tình tiết như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù thì mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền H lừa đảo chiếm đoạt của chị T1 là 16.300 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm H chiếm đoạt là 371.981.600đ. Tuy nhiên, ngày 31/12/2019 chị T1 có đơn yêu cầu bị cáo H bồi thường tính theo tỷ giá ngoại tệ hiện tại, cụ thể: Số tiền 16.300 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam là 379.186.900đ; trong quá trình điều tra, H đã trả lại cho chị T1 được 150.000.000đ, số tiền còn lại 229.186.900đ cần buộc bị cáo H trả lại cho chị T1 theo quy định Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A6 PLUS thu giữ của bị cáo là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về án phí, bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Với phân tích và nhận định trên thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Quang H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Tạ Quang H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo H tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/11/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Tạ Quang H phải trả lại cho chị Phạm Thị T1, tên gọi khách là JSJ (do chị Lê Ngọc A là người được ủy quyền đại diện nhận) tổng số tiền là 379.186.900 đồng, bị cáo H đã trả cho chị T1 được 150.000.000 đồng, còn phải trả tiếp cho chị T1 là 229.186.900 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của Tạ Quang H 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng được niêm phong trong 01 bì niêm phong tại mép dán có 03 hình dấu đỏ của Công an tỉnh Thái Nguyên và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong (theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 08/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

4. Về án phí: Bị cáo Tạ Quang H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 11.459.000 đồng án phí dân sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị Phạm Thị T1 có quyền kháng cáo kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND tỉnh Thái Nguyên;
-Công an tỉnh Thái Nguyên;
-Trại tạm giam Công an tỉnh TN;
-Cơ quan THAHS tỉnh Thái Nguyên ;
-Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
-Bị cáo (qua Trại T.giam);
-Người được ủy quyền (theo địa chỉ);
-Người bị hại (theo địa chỉ);
-Lưu hồ sơ vụ án và Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Văn Hiển